

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1998. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã Phú T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí L**, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh L quen nhau trên facebook và tự tìm hiểu khoảng 01 tháng thì đi đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 4 năm 2021. Đến ngày 10/01/2022, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T,

thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm. Đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh L không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, anh L còn thiếu tôn trọng cha mẹ chị, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Gia đình hai bên có hòa giải để vợ chồng chị hàn gắn tình cảm Nng anh L vẫn không thay đổi. Chị và con chung là Chí K đã trở về sống cùng cha mẹ ruột của chị tại ấp P, xã Phú T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long từ tháng 03/2022 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, nên yêu cầu được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 người con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/12/2021. Hiện Chí K đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Hiện nay chị đang tạm nghỉ thai sản để nuôi con, sau khi con được 1 tuổi thì chị sẽ tiếp tục đi làm công ty để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N cam kết xin ly hôn không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ gì khác, cam kết trình bày đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

Bị đơn Nguyễn Chí L: Tòa án đã triệu tập anh L hợp lệ Nng anh L vắng mặt không có lý do nên không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được, anh L cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không trình bày gì thêm. Chị cũng không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào; Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N với anh Nguyễn Chí L; Giao con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Hồng N nuôi dưỡng; Buộc anh Nguyễn Chí L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ; anh L phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn căn cứ trên Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 08/3/2022 của Công an phường T, thành phố V xác nhận: Nguyễn Chí L, sinh năm 1995, hiện sinh sống tại phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông qua Văn phòng Thừa phát lại tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng không tổng đạt trực tiếp được, vì đương sự không có mặt nơi cư trú, nhà bị giải tỏa; Tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thể hiện: Đương sự Nguyễn Chí L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long Nng đã bị giải tỏa không còn ai sinh sống, hiện anh L đi đâu địa phương không rõ. Hiện nay, chị N không biết địa chỉ mới của anh L. Xét thấy, chị N đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn Nguyễn Chí L theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; anh L thay đổi địa chỉ Nng không cung cấp địa chỉ mới cho chị N là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Chí L là được quyền khởi kiện. Anh L cư trú tại thành phố Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Cụ thể: Phiên tòa lần thứ nhất ngày 12/7/2022, phiên tòa lần thứ hai ngày 04/8/2022 Nng đều vắng mặt, không lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh L tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2022 tại Ủy ban nhân dân phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Sau khi kết hôn, chị N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; Gia đình hai bên hợp mặt động viên anh chị hàn gắn tình cảm Nng không có kết quả, mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh L bất đồng quan điểm sống, anh L không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh L còn thiếu tôn trọng cha mẹ chị, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến nhau. Từ tháng 3/2022 đến nay, chị và cháu K về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, còn anh L sống tại nhà của anh L. thỉnh thoảng anh L đến nhà cha mẹ chị N thăm con Nng chị N với anh L vẫn không nói chuyện với nhau, anh L biết chị N đang nộp đơn ly hôn với anh Nng anh L không có ý kiến phản đối. Chị N xác định không còn tình cảm với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

Anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh đều vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án đã liên hệ địa phương là Ủy ban nhân dân phường T để xác minh về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N với anh L Nng địa phương không nắm được do các đương sự không trình báo, không yêu cầu giải quyết.

Như phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L đã trầm trọng, nhà anh L bị giải tỏa phải thay đổi chỗ ở mới nhưng anh L vẫn không liên lạc thông báo cho chị N biết địa chỉ mới cho thấy mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/12/2021. Đến ngày xử sơ thẩm cháu K hơn 07 tháng tuổi, đang sinh sống với chị N, do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị N yêu cầu được

tiếp tục nuôi cháu K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:

Căn cứ Điều 107 và Điều 110 của luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác” và “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên”. Anh L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng để chị N nuôi con.

Chị N trình bày: Trước khi kết hôn chị N là công nhân làm việc tại khu công nghiệp Hòa Phú. Từ khi sinh con đến nay chị N tạm nghỉ để chăm sóc con, không có thu nhập, hàng ngày nhờ gia đình hỗ trợ; còn anh L sinh sống tại nhà anh L và chăn nuôi gà đá để bán lấy lời nên có thu nhập. Căn cứ vào mức sống thực tế tại địa phương của cháu K và dựa vào lời trình bày của chị N về thu nhập của anh L, Hội đồng xét xử xét thấy, mức cấp dưỡng chị N yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị N. Buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động là cần thiết, đảm bảo được quyền lợi của cháu K và thể hiện được trách nhiệm của bậc làm cha mẹ đối với con do mình sinh ra.

[6] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001182 ngày 28/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Chí L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N với anh Nguyễn Chí L.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N với anh Nguyễn Chí L có một con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/12/2021.

Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 18/12/2021 cho chị Nguyễn Thị Hồng N nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Chí L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001182 ngày 28/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Nguyễn Chí L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND P. T, Tp.VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

